

Bản án số: 267/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21/11/2023
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **TỔNG VĂN TƯ**

2. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TƯỜNG**

- Thư ký phiên tòa: Bà **TRẦN THỊ KIM LUÔNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Không có.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 600/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **NGUYỄN THỊ MỘNG T**, sinh năm 1998

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **NGUYỄN TRUNG TH**, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T, anh Th có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 18/9/2023, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng T trình bày:

Do quen biết nên chị và anh Th xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, hay tranh cãi. Anh chị đã sống ly thân khoảng 01 năm nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh Th.

Con chung có 01 cháu tên Nguyễn Thụy Mai A, sinh ngày 18/10/2018, hiện đang sống với anh Th. Chị đồng ý giao cháu cho anh Th nuôi, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết. Đồng thời, chị có đơn xin vắng mặt.

Theo tờ tự khai ngày 18/10/2023, bị đơn anh Nguyễn Trung Th trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay anh đồng ý ly hôn với chị T, đồng ý nuôi cháu Mai A, không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết. Đồng thời, anh có đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa, chị T và anh Th đều có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Chị Nguyễn Thị Mộng T, anh Nguyễn Trung Th có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào lời trình bày của chị T có trong hồ sơ vụ án, chị cho rằng anh chị đã xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, hay tranh cãi. Anh chị đã sống ly thân khoảng 01 năm nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh Th. Đồng thời, anh Th cũng đồng ý ly hôn với chị T. Do đó, cuộc sống hôn nhân của anh chị đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Xét thấy, tiếp tục giao cháu Nguyễn Thụy Mai A, sinh ngày 18/10/2018 cho anh Th nuôi là có cơ sở. Bởi lẽ, cháu đã sống ổn định với anh Th từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay và anh Th cũng đồng ý việc này. Từ đó, tiếp tục giữ nguyên hiện trạng việc nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh chị xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí:* Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mộng T.

Cho chị Nguyễn Thị Mộng T được ly hôn anh Nguyễn Trung Th.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thụy Mai A, sinh ngày 18/10/2018 cho anh Th nuôi. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Th không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0013110 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Chị T và anh Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tænh Tiền Giang;

TÒA

- VKSND huyện Cái Bè;

- Chi cục THADS huyện Cái Bè;

- UBND xã H;

- Các nông sỡ;

- Lưu hồ sớ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

Nguyễn Hoàng Xuân Lam

